

Bản án số: **125/2022/HS-PT**

Ngày: 31-3-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

*Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*

**Ông Mai Xuân Thành**

*Các Thẩm phán:*

**Ông Trần Quốc Cường**

**Ông Nguyễn Cường**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Ông **Nguyễn Xuân Thanh**, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 336/2021/TLPT-HS ngày 20/5/2021 đối với bị cáo **Bùi Văn H cùng đồng phạm** bị xét xử về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2021/HS-ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

*Bị cáo có kháng cáo:*

1. **Bùi Văn H (Tên gọi khác: H râu)**; sinh năm 1958, tại tỉnh Thái B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: Không biết chữ; nghề nghiệp: Làm nông; con ông Bùi Văn T và bà Đoàn Thị N (đều đã chết); bị cáo có vợ là Trần Thị G, sinh năm 1958; bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 1983, con nhỏ sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Không.

**Nhân thân:** Tại bản án số 104/HSPT ngày 28/3/2017, của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên phạt 08 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hiện bị cáo đang chấp hành án trong vụ án khác tại Trại giam Đ.

Ngày 06/12/2018, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hiện bị cáo đang chấp hành án trong vụ án khác tại Trại giam Đắk Trung, có mặt tại phiên tòa.

2. **Bùi Văn H1**; sinh năm 1987, tại tỉnh Thái B; nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lái xe; con ông Bùi Văn H, sinh năm 1958 và bà Trần Thị G, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là Cao Thị L, sinh năm 1986; bị cáo có 04 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 06/12/2018, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. **Trần Thanh D**; sinh năm 1977 tại tỉnh B Định; nơi cư trú: tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Ban quản lý dự án thủy điện 5; con ông Trần H V, sinh năm 1952 và bà Lê Thị H; bị cáo có vợ là Lê Thị Nguyên B, sinh năm 1984; bị cáo có 01 con, sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 10/5/2017, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk khởi tố về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và bắt bị can để tạm giam từ ngày 12/5/2017, đến ngày 09/01/2018 thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. **YQ Bkrông (Tên gọi khác: M)**; sinh năm 1976, tại tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: M'ông; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ địa chính UBND xã E, huyện L; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, ngày 17/6/2019 Ủy ban kiểm tra Huyện ủy L ra Quyết định số 56/UBKTHU đình chỉ sinh hoạt Đảng đối với Y Q Bkrông, hiện bị cáo đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông Y, sinh năm 1948 và bà H (đã chết); bị cáo có vợ là H, sinh năm 1976; bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 10/5/2017, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk khởi tố về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và bắt bị can để tạm giam từ ngày 12/5/2017, đến ngày 09/01/2018 thay thế biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

5. **Đỗ Văn S**; sinh năm 1985, tại tỉnh Thái B; nơi cư trú: huyện L, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: Kinh; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Nguyên cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L; con ông Đỗ Văn T, sinh năm 1953 và bà H Thị H, sinh năm 1955; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 28/5/2018, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk khởi tố về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

6. **Y D Trei**; sinh năm 1965, tại tỉnh Đắk Lắk; nơi cư trú: xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; dân tộc: M'ông; trình độ học vấn: 7/10; nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch UBND xã E, huyện L; là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam, ngày 17/6/2019 Ủy ban kiểm tra Huyện ủy L ra Quyết định số 55/UBKTHU đình chỉ sinh hoạt Đảng đối với Y D Trei, hiện bị cáo đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng; con ông Y (đã chết) và bà H, sinh năm 1930; bị cáo có vợ là H, sinh năm 1971; bị cáo có 05 con, con lớn sinh năm 1990, con nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không.

Ngày 28/5/2018, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk khởi tố về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng và áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

**- Nguyên đơn dân sự:** Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu D – chức vụ: Trưởng phòng tổ chức hành chính Ban quản lý dự án thủy điện 5 (Theo giấy ủy quyền 16/GUQ-EVNATĐ5 ngày 02/3/2021); địa chỉ: thành phố Hồ Chí Minh ( vắng mặt).

**- Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Bùi Văn H1:** Bà Cao Thị L – Sinh năm 1986 (vợ của bị cáo H1); trú tại: tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

**- Người bào chữa cho các bị cáo:**

1. Người bào chữa cho bị cáo Bùi Văn H và Bùi Văn H1 theo yêu cầu của Tòa án: Luật sư Huỳnh Thế P – Văn phòng Luật sư THT thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Người bào chữa cho bị cáo Y D Trei, YQ Bkrông theo yêu cầu bị cáo: Luật sư Lê Xuân A P – Công ty Luật TNHH MTV Đ, Đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công trình thủy điện B được xây dựng trên địa bàn huyện L, tỉnh Đắk Lắk từ năm 2004; Ban quản lý dự án thủy điện 5 (viết tắt Ban 5) thuộc Tổng Công ty Phát điện 3 là đơn vị đại diện chủ đầu tư; năm 2010, công trình được đưa vào vận hành đã gây sạt lở, ngập úng tại vùng hạ lưu thuộc địa bàn xã E, huyện L, nên người dân bị ảnh hưởng đã có đơn thư khiếu nại, khiếu kiện. Ngày 25/9/2012, Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (viết tắt UBND) đồng ý chủ trương về phương án *“gia cố, chống sạt lở, ngập úng vùng hạ lưu và thực hiện bồi thường thiệt hại năm 2010 cùng hỗ trợ các năm tiếp theo đến khi xây dựng công trình chống ngập cho các hộ dân có đất, hoa màu bị ảnh hưởng”* do Ban quản lý dự án thủy điện 5 trình.

Theo đó, Ban 5 là đơn vị đại diện chủ đầu tư - Tổng Công ty Phát điện 3 phối hợp với các đơn vị liên quan gồm: Trung tâm Kỹ thuật địa chính – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện L và UBND xã E tổ chức xác định diện tích đất, loại đất, chủ sử dụng bị ảnh hưởng. Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện L lập Phương án để tham mưu Chủ tịch UBND huyện L ra quyết định bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do ngập úng hạ lưu công trình thủy điện B.

Quy trình triển khai thực hiện: Ban 5 hợp đồng thuê Trung tâm Kỹ thuật địa chính - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk tiến hành đo vẽ, giải thửa đối với các thửa đất, xác định diện tích, loại đất, chủ sử dụng đất trong vùng ngập úng. Mặt khác, thông báo, tuyên truyền cho người dân biết chủ trương bồi thường, hỗ trợ và ai có liên quan thì đến UBND xã E để tiến hành kê khai thực tế. Sau đó căn cứ 02 loại tài liệu này Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện L (đơn vị được Ban 5 hợp đồng thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ) phối hợp với UBND xã E và Ban 5 (chủ đầu tư) tiến hành kiểm tra thực tế, lập Biên bản kiểm kê hiện trạng, hoặc nếu cần thì lập thêm Biên bản thống nhất phân chia diện tích đất nếu có nhiều người cùng sử dụng trên thửa đất. Nếu kiểm kê thực tế xác định có sai khác so với Bản đồ giải thửa do Trung tâm kỹ thuật địa chính cung cấp thì đề nghị Trung tâm kỹ thuật địa chính hiệu chỉnh bản đồ, sau đó Ban 5 cung cấp các tài liệu này cho Trung tâm phát triển quỹ đất lập phương án bồi thường, hỗ trợ và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Trung tâm Phát triển quỹ đất và trụ sở UBND xã E, huyện L để người dân được bồi thường, hỗ trợ tham gia ý kiến. Nếu người dân có ý kiến khác thì Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện L tiếp thu, giải đáp thắc mắc hoặc hiệu chỉnh tiếp nếu có căn cứ. Sau đó hoàn thiện phương án trình Hội đồng thẩm định (gồm: Phòng Tài nguyên và môi trường huyện, phòng Tài chính kế hoạch, phòng Tư pháp, phòng Kinh tế hạ tầng, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện, Ban 5, UBND xã E) kiểm tra. Sau khi Hội đồng

thẩm định hợp thông qua thì sẽ lập Tờ trình đề trình Chủ tịch UBND huyện L ký quyết định phê duyệt.

Quá trình thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do ngập úng khu vực hạ lưu công trình thủy điện B, Bùi Văn H mặc dù không có đất canh tác tại khu vực bị ngập úng nhưng vẫn dùng các tài liệu liên quan đến nguồn gốc đất đai đã bị tẩy xóa, in điền cắt dán cung cấp cho Trần Thanh D là cán bộ Ban 5 được giao nhiệm vụ phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L và cán bộ địa chính xã E trong để tiến hành trực tiếp kiểm kê đất, nguồn gốc đất và cây trồng trên đất để làm các thủ tục bồi thường, hỗ trợ chiếm đoạt tiền của Nhà nước, cụ thể như sau:

### **I. Hành vi: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản:**

Bùi Văn H mặc dù không có đất canh tác tại khu vực bị ngập úng nhưng đã có hành vi sử dụng giấy tờ xác nhận đất tại xã E, các giấy tờ bị tẩy xóa, in điền, cắt dán nội dung thể hiện có đất khai hoang, các giấy tờ chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của 09 người thân, quen của H gồm Bùi Văn H1, H Văn T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn V, Bùi Thị H, Nguyễn Văn H, Trần Thị H, Trần Thị L và Y M Kման, để cung cấp cho Trần Thanh D. Thực tế, những người này không có đất và trong thời gian xảy ra ngập úng khi công trình thủy điện xả lũ thì họ không canh tác và trồng hoa màu trên diện tích đất bị ngập úng ở vùng hạ lưu của Thủy điện B, thuộc hồ E, xã E. Trong quá trình kê khai diện tích đất thì 09 hộ trên không trực tiếp ký kê khai và trong quá trình đi kiểm kê thực địa ngoài Bùi Văn H1 là người được Bùi Văn H chỉ đạo đi chỉ đất, khai báo về việc gia đình có đất và sản xuất hoa màu tại khu vực lòng hồ E, còn 8 hộ còn lại không ai tham gia đi kiểm kê thực địa cùng với đoàn kiểm kê thực địa. H1 ra thực địa và có trực tiếp dẫn Trần Thanh D đi chỉ vào đất của gia đình bị tranh chấp với hộ ông Bùi Văn H (vợ là bà Nguyễn Thị M). Mặc dù H1 không có đất nhưng vẫn ký khống vào bản tự kê khai đất, biên bản kiểm tra hiện trạng đất, biên bản làm việc tách thửa lập ngày 02/12/2013.

Đến khi đã có Quyết định về việc chi trả tiền bồi thường hỗ trợ do ngập úng thì theo lời khai của Bùi Văn H1 (con trai H) và H Văn T (con rể của H) thì tất cả 7 người gồm: ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn V, Bùi Thị H, Nguyễn Văn H, Trần Thị H, Trần Thị L và Y M Kման đều có đơn ủy quyền về việc nhận tiền và Bùi Văn H là người đưa các giấy ủy quyền này cho T và H1 để ký vào mục người được ủy quyền rồi đưa lại cho H để H đưa vào UBND xã E ký xác nhận. Bản thân 7 người đứng tên trong các giấy ủy quyền để nhận tiền trên họ hoàn toàn không biết gì về việc có tờ giấy ủy quyền trên, họ cũng không được nhận tiền bồi thường hỗ trợ. 09 hộ dân được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên cùng với việc làm trái, thiếu trách

nhệm của các cán bộ Ban 5, Trung tâm phát triển quỹ đất, cán bộ UBND xã E đã lập không hồ sơ cho người thân của Bùi Văn H và đã được Nhà nước chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ với số tiền 769.277.417 đồng. Trong đó Bùi Văn H1 là người ký vào 04 giấy ủy quyền gồm Trần Thị L, Nguyễn Văn Đ, Bùi Thị H và Nguyễn Văn V và của H1 để nhận tổng số tiền 465.442.840 đồng; H Văn T là người ký vào 03 giấy ủy quyền gồm Nguyễn Văn H, Trần Thị H và Y M Kmăn và của T để nhận tổng số tiền 303.834.477 đồng. Sau khi nhận được tiền Bùi Văn H1 đã đưa hết số tiền đã nhận cho Bùi Văn H, H Văn T đưa lại cho Bùi Văn H số tiền 233.215.301 đồng, T giữ lại số tiền 70.619.276 đồng.

Đối với các hộ như Y S Bkrông, Phạm Văn H, Trương C, Bùi Văn H, H Kpec, Y K Kpor, Y B Kbin, Đỗ Quý T, Bùi Văn Q...là những người có tranh chấp đất với Bùi Văn H và những người này đã canh tác tại khu vực đất ngập úng thuộc diện được bồi thường hỗ trợ do công trình thủy điện xả lũ từ trước năm 2010 thì họ cho rằng có biết Bùi Văn H nhưng H có đất canh tác tại khu vực bờ sông K và hiện nay cũng đã bán hết cho những người dân tộc Mông, còn khu vực hồ E thì H không có đất canh tác chỉ đến năm 2013-2014 H mới đưa máy cày vào để đập lau sậy trên diện tích đất chăn nuôi gia súc của xã nên bị xã thu giữ máy móc.

Trong khi đó Trần Thanh D cũng cho rằng việc H là người đã cung cấp cho D các giấy tờ liên quan đến đất của H và chỉ vào bản đồ cũng như trực tiếp và thông qua Bùi Văn H1 cung cấp các giấy tờ về lập hồ sơ bồi thường hỗ trợ cho 09 hộ dân trên.

Quá trình khám xét tại nhà ở của H Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ các bản gốc giấy các giấy tờ bao gồm:

Thông báo ngày 30/10/1999 của UBND xã E về việc cấm mốc địa giới khai hoang (hợp đồng cho thuê đất) do Chủ tịch UBND xã A Quyết ký; Đơn xin chứng nhận của ông Bùi Văn H có nội dung: Gia đình ông H đã khai hoang đất và làm ruộng với diện tích 780.000m<sup>2</sup> được Chủ tịch UBND xã E là ông Y T Bkrông xác nhận ngày 26/7/06; Đơn xin xác nhận không ghi ngày tháng năm của ông Bùi Văn H xin xác nhận nội dung ghi ông Bùi Văn H đã khai hoang và đang canh tác 75 ha đất ruộng tại xã E, huyện L có xác nhận của UBND xã.

Tiến hành làm việc với những người đã ký các giấy tờ trên họ cho rằng ông H trước đây có khoảng 02ha đất ở khu vực bờ sông K và xác nhận diện tích xung quanh nhà. Hiện diện tích đất trên cũng đã bán lại cho người khác.

Kết quả giám định thể hiện các giấy tờ mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ thể hiện bị tẩy xóa, in điền, cắt dán nội dung.

Việc Bùi Văn H cho rằng gia đình có nhiều diện tích đất và có trồng hoa màu tại xã E, bị ngập úng còn bản thân không biết các giấy tờ tài liệu bị cắt dán, in điền thông tin thêm là không có căn cứ.

Như vậy, Bùi Văn H và Bùi Văn H1 đã có hành vi gian dối trong việc cung cấp các giấy tờ liên quan đến việc khai hoang, canh tác trên diện tích đất không đúng nhằm chiếm đoạt số tiền 769.277.417 đồng.

## **II. Hành vi: Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ:**

Ngày 01/8/2013, Trần Thanh D được Ban 5 giao nhiệm vụ phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện L, UBND xã E tổ chức kiểm kê xác định diện tích đất, loại đất, chủ sử dụng bị ảnh hưởng (thay cho ông Trương Đình K do ông K chuyển công tác).

Bùi Văn H nhiều lần mời ông Đặng Văn N – là phó trưởng Công an huyện L và Lê Tuấn A là cán bộ Công an huyện L và ông Nguyễn Xuân T (cán bộ Ban 5) đi ăn nhậu với nhau. Ông N gọi Trần Thanh D ra để giao lưu và giới thiệu ông H là người quen của ông N. Sau đó, Bùi Văn H gặp và nói nói với Trần Thanh D, mình có đất trong diện được bồi thường, hỗ trợ và cung cấp các giấy tờ thể hiện có khai hoang, canh tác đất tại địa bàn xã E, huyện L gồm Đơn xin xác nhận đối với việc đã khai hoang và đang canh tác 75 ha đất ruộng tại xã E, huyện L, lập ngày 03/12/2006; sơ đồ thửa đất xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 752.600 m<sup>2</sup> không đề ngày tháng năm có xác nhận của ông Y B Mnông – Phó Chủ tịch UBND xã E, kèm theo các sổ hộ khẩu mang tên H Văn T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H, Trần Thị H, Trần Thị L, Bùi Văn H1, Bùi Thị H, Y M Kmăn và Nguyễn Văn V là những người thân quen của H để nhờ D làm thủ tục bồi thường, hỗ trợ.

Ngày 02/12/2013, theo kế hoạch kiểm kê thực địa của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L. Trần Thanh D đã cùng Đỗ Văn S, là nhân viên Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện L và YQ Bkrông (là cán bộ địa chính xã E) trực tiếp đến thực địa để thực hiện các nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ cho người dân bị ảnh hưởng do ngập úng.

Theo quy trình, Trần Thanh D cùng Đỗ Văn S và YQ Bkrông phải xuống thực địa phối hợp với thôn, buôn và chủ đất để kiểm tra thực tế, lập Biên bản kiểm kê hiện trạng xác định diện tích, loại đất, chủ sử dụng theo hiện trạng đo vẽ bản đồ địa chính xã E, huyện L do Trung tâm đo đạc địa chính tỉnh Đắk Lắk thực hiện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt ngày 11/7/2013. Tuy nhiên, D, S và YQ thực hiện không đúng chức trách, nhiệm vụ được giao lập 09 hồ sơ cho 09 hộ dân không

thuộc đối tượng được bồi thường, hỗ trợ gây thiệt hại cho Nhà nước tổng số tiền 769.277.417 đồng, cụ thể như sau:

- Đối với 04 hồ sơ được bồi thường, hỗ trợ mang tên Bùi Văn H1, Bùi Thị H, Y M Kման và Nguyễn Văn V.

Tại thực địa, Trần Thanh D được Bùi Văn H1 ra thực địa chỉ đất để lập biên bản kiểm kê thì có tranh chấp đất đai với bà Nguyễn Thị M (chồng là Bùi Văn H). Mặc dù chưa giải quyết xong việc tranh chấp đất nhưng Trần Thanh D vẫn chia thửa số 03 (thửa đất này trước đó Trung tâm kỹ thuật địa chính đã giải thửa cho hộ Bùi Văn H) và thửa số 30 (thửa đất này trước đó Trung tâm kỹ thuật địa chính xác định là đất chưa có chủ sử dụng, ghi ký hiệu là DCS) của tờ bản đồ số 9 thành 05 thửa đất, gồm: Thửa số 03, 30, 127, 128, 129. Từ 05 thửa đất đã tách và thông tin các hộ dân do H1 cung cấp, để Đỗ Văn S và Trần Thanh D lập 04 biên bản kiểm kê đối với thửa đất số 03, 30, 128, 129 cho 04 hộ dân, gồm: Phan Văn K (sau này Bùi Văn H yêu cầu D đổi tên thành Bùi Thị H), Y M Kման, Bùi Văn H1 và Nguyễn Văn V. Để hợp thức hóa hồ sơ tách thửa đất, ngày 02/12/2013, Trần Thanh D đã sử dụng máy vi tính của YQ Bkrông ở UBND xã E để lập Biên bản làm việc về tách thửa đất số 03 và thửa số 30, tờ bản đồ số 09. Sau đó được Bùi Văn H1 ký tên cho hộ Bùi Văn H1, Phan Văn K, Y M Kման và Nguyễn Văn V; ông Trương C - là người dân xã E ký ở vị trí Thôn trưởng và ở mục hộ mang tên Bùi Văn H; Trần Thanh D và Đỗ Văn S ký vào rồi giao cho YQ Bkrông ký xác nhận rồi chuyển cho ông Y D Trei - Chủ tịch UBND xã E ký xác nhận. Biên bản này sau đó được sửa bằng bút bi thành ngày 01/7/2014.

- Đối với 05 hồ sơ được bồi thường, hỗ trợ mang tên H Văn T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn H, Trần Thị H và Trần Thị L:

+ Ngày 02/12/2013, tại thời điểm kiểm kê Bùi Văn H1 cung cấp các thông tin của 05 hộ là người thân, quen của Bùi Văn H cho Đỗ Văn S để S lập 05 biên bản kiểm kê. Nhưng sau đó, khi D kiểm tra, rà soát lại thì 05 thửa đất trên đã được kiểm kê cho các hộ dân khác. Do đó, D đã bỏ 05 biên bản kiểm kê này và kiểm tra, rà soát trên bản đồ giải thửa thì phát hiện 05 thửa đất gồm: 202, 241, 22, 130, 171 thuộc tờ bản đồ số 03, 10, 08, 01 là đất chưa chủ sử dụng (ghi ký hiệu là DCS) và đề nghị S lập 05 biên bản kiểm kê cho 05 hộ trên (trong đó thửa đất số 202, tờ bản đồ số 03 và thửa đất số 241, tờ bản đồ số 10 đã được kiểm kê và bồi thường, hỗ trợ cho ông Phan Văn H và ông Y S Bkrông.

Vì đã tách thửa và lập bổ sung các hộ dân tại các tờ bản đồ số 01, 03, 08, 09 và 10 nên cần phải hiệu chỉnh lại bản đồ giải thửa. Do đó, Trần Thanh D đã cung cấp biên bản tách thửa cho ông Bùi Viết U - Đội trưởng Đội đo đạc thuộc Trung tâm kỹ



thuật địa chính - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk để tiến hành đo vẽ lại tại thực địa và hiệu chỉnh bản đồ. Khoảng giữa năm 2014, D cùng Bùi Viết U và Bùi Văn H1 đến tại khu vực thửa đất số 3, 30 tờ bản đồ số 09 để tiến hành đo vẽ và tách thành 05 thửa đất số 03, 30, 127, 128, 129. Riêng 05 thửa đất chưa sử dụng gồm thửa đất số 130 và 171, tờ bản đồ số 01; thửa đất số 202, tờ bản đồ số 03; thửa đất số 22, tờ bản đồ số 08; thửa đất số 241, tờ bản đồ số 10 thì D đề nghị ông U hiệu chỉnh trên bản đồ từ đất DCS thành đất LUK, LUC (đất chuyên trồng lúa nước).

Toàn bộ 09 biên bản kiểm kê hiện trạng đất nêu trên được ông Trương C người dân xã E ký mục thôn trưởng và tại mục chủ hộ. Đỗ Văn S, Trần Thanh D ký vào biên bản và đưa 09 biên bản này cho YQ Bkrông – Cán bộ địa chính xã E ký. Lúc đầu, YQ không đồng ý ký do không tham gia kiểm kê nhưng sau đó do có sự tác động qua điện thoại của ông Lê Tuấn A – là cán bộ Công an huyện L nên YQ đã đồng ý ký xác nhận và tham mưu cho ông Y D Trei ký xác nhận. Đỗ Văn S đưa các biên bản kiểm kê cho ông Phạm Nhật Bằng – Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất ký xác nhận và đưa cho các ông Y Wang Bing, Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Doãn Tín (nhân viên Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L) thay nhau ký vào một số biên bản. Sau khi có tờ bản đồ đã hiệu chỉnh, Trần Thanh D chuyển toàn bộ hồ sơ gồm: Biên bản kiểm kê hiện trạng, bảng thống kê diện tích loại đất, các tờ bản đồ cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L để lập phương án bồi thường, hỗ trợ. Sau khi có phương án bồi thường, hỗ trợ thì Hội đồng thẩm định hợp thông qua phương án, lập Tờ trình gửi Chủ tịch UBND huyện L. Ngày 10/02/2015, Chủ tịch UBND huyện L có Quyết định số 681/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do ngập úng hạ lưu công trình thủy điện B trên địa bàn xã E, huyện L.

Ngày 11 và 12/02/2015, Ban 5 phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L và UBND xã E thực hiện chi trả tiền theo phương án.

Để được nhận tiền, Bùi Văn H đưa giấy ủy quyền của 07 cá nhân cho Bùi Văn H1 và H Văn T ký tên (thực tế 07 cá nhân này không ký giấy ủy quyền) rồi mang các giấy ủy quyền này đưa ông Y D Trei – Chủ tịch UBND xã E ký xác nhận. Thông qua các giấy ủy quyền này, Bùi Văn H1 và H Văn T đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ của 07 cá nhân và của hồ sơ do H1 và T đứng tên với tổng số tiền 769.277.417 đồng (bồi thường 184.028.025 đồng, hỗ trợ 585.249.392 đồng), trong đó: Bùi Văn H1 nhận số tiền 465.442.840 đồng; H Văn T nhận số tiền 303.834.577 đồng.

Ngày 10/02/2015, Đỗ Văn S báo cáo sự việc cho ông Phạm Nhật Bằng và tham mưu cho ông Nguyễn Đình T - Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L ký công văn số 06/CV-TTPTQĐ ngày 10/02/2015 (nhưng không gửi theo đường công văn) gửi cho Ban 5 với nội dung: Qua xem xét, rà soát xét thấy trong 96

hộ được chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ thì còn 30 hộ đang xảy ra tranh chấp về đất đai và thời gian canh tác chưa rõ (danh sách kèm theo, trong đó có 09 hộ nêu trên). Do đó, đề nghị Ban 5 tạm ngừng chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho 30 hộ để xác minh cụ thể, chi trả sau. Sau đó S giao công văn này cho Nguyễn Tuấn V trực tiếp mang qua giao cho Ban 5. Sáng ngày 11/02/2015, khi Ban 5 chi trả tiền thì ông Nguyễn Tuấn V – Cán bộ Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L thông qua Quyết định số 681/QĐ-UBND ngày 10/02/2015 do UBND huyện L ký duyệt phương án. Quá trình chi trả tiền đến các hộ dân thuộc danh sách đề nghị tạm dừng chi trả tiền thì ông V thông qua Công văn số 06/CV-TTPTQĐ ngày 10/02/2015 do ông Nguyễn Đình T – Phó Giám đốc Trung tâm ký kèm theo danh sách 30 hộ dân về việc đề nghị tạm ngừng chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho một số hộ dân bị thiệt hại do ngập úng hạ lưu công trình thủy điện B, do đang xảy ra tranh chấp về đất đai và thời gian canh tác chưa rõ. Sau khi thông qua văn bản trên thì có một số hộ dân thắc mắc lý do không được chi trả tiền thì Trung tâm phát triển quỹ đất hướng dẫn các hộ dân lập bản cam kết không tranh chấp và đơn xin bảo lãnh để UBND xã E ký xác nhận. Căn cứ vào các giấy tờ này, ngày 12/02/2015, Ban 5 phối hợp với các đơn vị liên quan chi trả tiền cho tất cả các hộ dân theo phương án đã được phê duyệt.

Ngoài ra, Trần Thanh D, Đỗ Văn S, Nguyễn Tuấn V, Bùi Viết U khai nhận:

- Khoảng một tuần sau ngày chi trả tiền (12/02/2015) ông Đặng Văn N gọi điện thoại nói ông D lên nhà ông N và đưa cho D 01 phong bì và nói trong có 30.000.000 đồng, là tiền gia đình bác H gửi cho anh em tiền nước. D nhận và sau đó đưa cho ông Nguyễn Xuân T (cán bộ Ban 5) 9.000.000 đồng, còn lại giữ tiêu xài. Sau khi Công an huyện L mời làm việc thì D đã mang số tiền 30.000.000 đồng đến nhà đưa lại cho vợ ông N.

- Ngày 14/02/2015, Nguyễn Tuấn V chuyển qua tài khoản số 5211205021621- Ngân hàng NN&PTNT huyện L số tiền 10.000.000 đồng cho Đỗ Văn S và nói cho để xài Tết vì người dân đứt túi cho được 30.000.000 đồng. Sau khi Công an huyện L làm việc Đỗ Văn S đã mang số tiền 10.000.000 đồng này giao nộp cho Công an huyện L. Số tiền 20.000.000 đồng còn lại V đã sử dụng tiêu xài cho cá nhân.

- Khoảng ngày 27 âm lịch Tết Nguyên đán 2014, ông Đặng Văn N cùng ông Lê Tuấn A đến nhà ông Bùi Viết U đưa cho 01 phong bì có 10.000.000 đồng và nói gia đình ông H cảm ơn, gửi anh xài Tết. Sau khi được Công an huyện L mời làm việc thì ông U mang số tiền 10.000.000 đồng nộp cho Công an huyện L để xử lý.

Như vậy, Trần Thanh D, Đỗ Văn S và YQ Bkrông đã có hành vi Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ thực hiện không đúng chức trách,

nhiệm vụ được giao dẫn đến gây thiệt hại cho nhà nước số tiền 769.277.417 đồng. Trong đó:

Hành vi của Trần Thanh D: Là người được Ban 5 giao nhiệm vụ thực hiện công tác bồi thường hỗ trợ ngập úng công trình thủy điện B, xã E, huyện L là đại diện chủ đầu tư phối hợp với Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L và UBND xã E, huyện L để thực hiện việc kiểm kê hiện trạng, diện tích loại đất, chủ sử dụng. Tuy nhiên, do có mối quan hệ quen biết với ông Bùi Văn H và có sự tác động của ông Đặng Văn N nên Trần Thanh D đã không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao, không kiểm tra tính hợp pháp của các giấy tờ do H cung cấp, hợp thức các thủ tục để một người đứng ra ký cho nhiều người, tự ý tách thửa, hiệu chỉnh đất trên bản đồ để đưa tên của 09 người thân, quen của ông Bùi Văn H lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ. Việc làm trên của Trần Thanh D đã dẫn đến đã được hội đồng xét duyệt thông qua và được ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ trùng lặp đối với 02 thửa đất trước đó đã được bồi thường và không đúng đối tượng với 07 thửa đất gây thiệt hại cho nhà nước tổng số tiền 769.277.417 đồng.

Hành vi của YQ Bkrông: Là cán bộ địa chính xã E là người có trách nhiệm phối hợp Trần Thanh D và Đỗ Văn S thực hiện việc kiểm kê hiện trạng đất. Có trách nhiệm xác nhận nguồn gốc đất, chủ sử dụng đất, loại đất, diện tích. Tuy nhiên, do có sự tác động của ông Lê Tuấn A là cán bộ Công an huyện L, và trong khi kiểm kê biết 09 hộ dân không sản xuất nông nghiệp tại khu vực hồ Bầu Xanh và ở khu vực hồ E, nhưng YQ Bkrông vẫn ký xác nhận là đất sử dụng ổn định, không tranh chấp dẫn đến gây thiệt hại cho nhà nước tổng số tiền 769.277.417 đồng.

Hành vi của Đỗ Văn S: Là nhân viên của Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện L, là đơn vị chủ trì công tác kiểm kê hiện trạng, ghi nhận thực tế để lập phương án. Đỗ Văn S được giao nhiệm vụ phối hợp với Trần Thanh D, YQ Bkrông thực hiện kiểm kê hiện trạng đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ. Tuy nhiên khi kiểm kê thực tế biết đất có tranh chấp giữa Bùi Văn H1 với bà Nguyễn Thị M chưa được giải quyết nhưng vẫn ký biên bản tách thửa và lập biên bản cho 04 hộ; không kiểm tra thực tế hiện trạng lập 05 hộ dân theo yêu cầu thay đổi của Trần Thanh D dẫn đến bồi thường, hỗ trợ trùng lặp đối với 02 thửa đất trước đó đã được bồi thường và không đúng đối tượng với 07 thửa đất gây thiệt hại cho nhà nước tổng số tiền 769.277.417 đồng.

Mặc dù ngày 10/02/2016, Đỗ Văn S đã báo cáo và tham mưu cho Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L ra văn bản tạm dừng chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với 30 hộ dân, trong đó có 09 hộ dân trên. Tuy nhiên, phương án đã được

cấp có thẩm quyền phê duyệt, cá nhân Đỗ Văn S và Trung tâm phát triển quỹ đất huyện L không có quyền tạm dừng chi trả tiền.

### **III. Hành vi: Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng:**

Đối với Y D Trei, nguyên là Chủ tịch UBND xã E, là người có trách nhiệm thay mặt UBND xã xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, loại đất, chủ sử dụng để phục vụ công tác bồi thường hỗ trợ. Tuy nhiên, Y D Trei đã thiếu kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các công việc của cán bộ địa chính thuộc quyền là YQ Bkrông và đã ký xác nhận vào các Bản tự kê khai; các biên bản kiểm kê hiện trạng đất không đúng đối tượng, ký xác nhận vào các giấy ủy quyền của 09 bộ hồ sơ đứng tên Bùi Văn H1, H Văn T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn V, Bùi Thị H, Nguyễn Văn H, Trần Thị H, Trần Thị L và Y M Kmăn để được bồi thường, hỗ trợ dẫn đến gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 769.277.417 đồng.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 28/2021/HS-ST ngày 14/4/2021 của Tòa án nhân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:*

[1]. Tuyên bố:

Bị cáo Bùi Văn H, Bùi Văn H1 phạm tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

Các bị cáo Trần Thanh D, Đỗ Văn S, YQ Bkrông phạm tội: *“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”*.

Bị cáo Y D Trei phạm tội: *“Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”*.

[2]. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

[2.1]. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H: 13 (Mười ba) năm tù về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt đối với Bản án số 104/HSPT ngày 28/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên phạt bị cáo Bùi Văn H 08 năm tù về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 21 (Hai mươi một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/01/2016.

[2.2]. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm q, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H1: 07 (Bảy) năm tù về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2.3]. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh D: 05 (Năm) năm tù về tội *“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính

từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2017 đến ngày 09/01/2018.

[2.4]. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo YQ Bkrông 04 (Bốn) năm tù về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2017 đến ngày 09/01/2018.

[2.5]. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn S: 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2.6]. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360; điểm s, v khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Y D Trei: 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Bản án còn quyết định về dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong hạn luật định các bị cáo kháng cáo và thay đổi kháng cáo như sau:

Bị cáo Bùi Văn H kháng cáo kêu oan.

Bị cáo Bùi Văn H1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Bị cáo Trần Thanh D kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, tại phiên tòa hôm nay bị cáo kháng cáo cho rằng phạm tội “thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”

Bị cáo YQ Bkrông kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt sau đó kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm. Tại phiên tòa bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo.

Bị cáo Đỗ Văn S kháng cáo cho rằng không phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” mà chỉ là “*thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”.

Bị cáo Y D Trei kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt sau đó kháng cáo đề nghị hủy án sơ thẩm. Tại phiên tòa bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo.

\* Tại phiên tòa:

- Bị cáo vẫn giữ nguyên theo yêu cầu kháng cáo nêu trên.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo H cho rằng chưa có đủ chứng cứ để kết án bị cáo về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” do bị cáo H không phạm tội nên bị cáo H1 cũng không phạm tội. Đề nghị hủy Bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo YQ Bkrông và Y D Trei đề nghị hủy Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và người bào chữa cho bị cáo; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do ý thức coi thường pháp luật, với động cơ tham lam, tư lợi nên trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2015, bằng thủ đoạn gian dối Bùi Văn H, Bùi Văn H1 đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ thiệt hại do ngập úng hạ lưu công trình thủy điện B (không đúng đối tượng) chiếm đoạt của Nhà nước 769.277.417 đồng.

Các bị cáo Trần Thanh D, Đỗ Văn S và YQ Bkrông đã thực hiện không đúng chức trách, nhiệm vụ được giao lập 09 hồ sơ cho 09 hộ dân không thuộc đối tượng được bồi thường, hỗ trợ gây thiệt hại cho Nhà nước tổng số tiền 769.277.417 đồng.

Bị cáo Y D Trei là người thay mặt UBND xã E xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, loại đất, chủ sử dụng để phục vụ công tác bồi thường hỗ trợ. Tuy nhiên, Y D Trei đã thiếu kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các công việc của cán bộ địa chính thuộc quyền là YQ Bkrông và đã ký xác nhận vào các Bản tự kê khai; các biên bản kiểm kê hiện trạng đất không đúng đối tượng, ký xác nhận vào các giấy ủy quyền của 09 bộ gia đình cho Bùi Văn H, Bùi Văn H1 để được bồi thường, hỗ trợ dẫn đến gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 769.277.417 đồng.

[2] Xét đơn kháng cáo kêu oan của bị cáo Bùi Văn H, và đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Văn H1; Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Bùi Văn H mặc dù không có đất canh tác tại khu vực bị ngập úng nhưng đã có hành vi sử dụng giấy tờ xác nhận đất tại xã E, các giấy tờ bị tẩy xóa, in điền, cắt dán nội dung thể hiện có đất khai hoang, các giấy tờ chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của 09 người thân, quen của H gồm Bùi Văn H1, H Văn T, Nguyễn Văn

Đ, Nguyễn Văn V, Bùi Thị H, Nguyễn Văn H, Trần Thị H, Trần Thị L và Y M Kmăn, để cung cấp cho Trần Thanh D. Thực tế, những người này không có đất và trong thời gian xảy ra ngập úng khi công trình thủy điện xả lũ thì họ không canh tác và trồng hoa màu trên diện tích đất bị ngập úng ở vùng hạ lưu của Thủy điện B, thuộc hồ E, xã E. Trong quá trình kê khai diện tích đất thì 09 hộ trên không trực tiếp ký kê khai và trong quá trình đi kiểm kê thực địa ngoài Bùi Văn H1 là người được Bùi Văn H chỉ đạo đi chỉ đất, khai báo về việc gia đình có đất và sản xuất hoa màu tại khu vực lòng hồ E, còn 8 hộ còn lại không ai tham gia đi kiểm kê thực địa cùng với đoàn kiểm kê thực địa. H1 ra thực địa và có trực tiếp dẫn Trần Thanh D đi chỉ vào đất của gia đình bị tranh chấp với hộ ông Bùi Văn H (vợ là bà Nguyễn Thị M). Mặc dù H1 không có đất nhưng vẫn ký khống vào bản tự kê khai đất, biên bản kiểm tra hiện trạng đất, biên bản làm việc tách thửa lập ngày 02/12/2013.

[2.2] Đến khi đã có Quyết định về việc chi trả tiền bồi thường hỗ trợ do ngập úng thì theo lời khai của Bùi Văn H1 (con trai H) và H Văn T (con rể của H) thì tất cả 7 người gồm: ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn V, Bùi Thị H, Nguyễn Văn H, Trần Thị H, Trần Thị L và Y M Kmăn đều có đơn ủy quyền về việc nhận tiền và Bùi Văn H là người đưa các giấy ủy quyền này cho T và H1 để ký vào mục người được ủy quyền rồi đưa lại cho H để H đưa vào UBND xã E ký xác nhận. Bản thân 7 người đứng tên trong các giấy ủy quyền để nhận tiền trên họ hoàn toàn không biết gì về việc có tờ giấy ủy quyền trên, họ cũng không được nhận tiền bồi thường hỗ trợ. 09 hộ dân được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ nêu trên cùng với việc làm trái, thiếu trách nhiệm của các cán bộ Ban 5, Trung tâm phát triển quỹ đất, cán bộ UBND xã E đã lập khống hồ sơ cho người thân của Bùi Văn H và đã được Nhà nước chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ với số tiền 769.277.417 đồng. Trong đó Bùi Văn H1 là người ký vào 04 giấy ủy quyền gồm Trần Thị L, Nguyễn Văn Đ, Bùi Thị H và Nguyễn Văn V và của H1 để nhận tổng số tiền 465.442.840 đồng; H Văn T là người ký vào 03 giấy ủy quyền gồm Nguyễn Văn H, Trần Thị H và Y M Kmăn và của T để nhận tổng số tiền 303.834.477 đồng. Sau khi nhận được tiền Bùi Văn H1 đã đưa hết số tiền đã nhận cho Bùi Văn H, H Văn T đưa lại cho Bùi Văn H số tiền 233.215.301 đồng, T giữ lại số tiền 70.619.276 đồng.

[2.3] Quá trình khám xét tại nhà ở của H Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ các bản gốc giấy các giấy tờ bao gồm:

Thông báo ngày 30/10/1999 của UBND xã E về việc cấm mốc địa giới khai hoang (hợp đồng cho thuê đất) do Chủ tịch UBND xã A Quyết ký; Đơn xin chứng nhận của ông Bùi Văn H có nội dung: Gia đình ông H đã khai hoang đất và làm ruộng với diện tích 780.000m<sup>2</sup> được Chủ tịch UBND xã E là ông Y T Bkrông xác nhận ngày 26/7/06; Đơn xin xác nhận không ghi ngày tháng năm của ông Bùi Văn H xin

xác nhận nội dung ghi ông Bùi Văn H đã khai hoang và đang canh tác 75 ha đất ruộng tại xã E, huyện L có xác nhận của UBND xã.

Tiến hành làm việc với những người đã ký các giấy tờ trên họ cho rằng ông H trước đây có khoảng 02 ha đất ở khu vực bờ sông K và xác nhận diện tích xung quanh nhà. Hiện diện tích đất trên cũng đã bán lại cho người khác.

Kết quả giám định thể hiện các giấy tờ mà Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ thể hiện bị tẩy xóa, in đè, cắt dán nội dung.

Việc Bùi Văn H cho rằng gia đình có nhiều diện tích đất và có trồng hoa màu tại xã E, bị ngập úng còn bản thân không biết các giấy tờ tài liệu bị cắt dán, in đè thông tin thêm là không có căn cứ.

Với những hành vi và hậu quả nêu trên; bị cáo Bùi Văn H và Bùi Văn H1; bị tòa án sơ thẩm xét xử về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ đúng người đúng tội, đúng pháp luật và không oan, do vậy đơn kháng cáo của Bùi Văn H là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với Bùi Văn H1 được xác định là đồng phạm với bị cáo H trong vụ án; Bản án sơ thẩm đã đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, áp dụng đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo mức án 07 năm tù theo điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự là đã xem xét chiếu cố giảm nhẹ cho bị cáo. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới cần được xem xét áp dụng cho bị cáo do vậy đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Bùi Văn H1 là không có căn cứ được chấp nhận.

[3] Xét đơn kháng cáo của các bị cáo trong nhóm tội “ *Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” Trần Thanh D, YQ Bkrông, Đỗ Văn S; Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Bị cáo Trần Thanh D (đại diện cho Ban quản lý dự án thủy điện 5) phối hợp cùng Đỗ Văn S (đại diện Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện L) và YQ Bkrông (là cán bộ địa chính xã E) trực tiếp đến thực địa để thực hiện các nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ cho người dân bị ảnh hưởng do ngập úng. Theo quy trình, Trần Thanh D cùng Đỗ Văn S và YQ Bkrông phải xuống thực địa phối hợp với thôn, buôn và chủ đất để kiểm tra thực tế, lập Biên bản kiểm kê hiện trạng xác định diện tích, loại đất, chủ sử dụng theo hiện trạng đo vẽ bản đồ địa chính xã E, huyện L do Trung tâm đo đạc địa chính tỉnh Đắk Lắk thực hiện đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt ngày 11/7/2013. Tuy nhiên, các bị cáo vì vụ lợi cá nhân, vì nể nang nên đã thực hiện không đúng chức trách, nhiệm vụ được giao lập 09 hồ sơ cho 09 hộ dân



không thuộc đối tượng được bồi thường, hỗ trợ gây thiệt hại cho Nhà nước tổng số tiền 769.277.417 đồng.

Hành vi cụ thể của từng bị cáo:

\* Đối với Trần Thanh D: Do có mối quan hệ quen biết với Bùi Văn H và có sự tác động của ông Đặng Văn N nên Trần Thanh D đã không thực hiện đúng nhiệm vụ được giao, không kiểm tra tính hợp pháp của các giấy tờ do H cung cấp, hợp thức các thủ tục để một người đứng ra ký cho nhiều người, tự ý tách thửa, hiệu chỉnh đất trên bản đồ để đưa tên của 09 người thân, quen của ông Bùi Văn H lập hồ sơ bồi thường, hỗ trợ. Việc làm trên của Trần Thanh D đã dẫn đến đã được hội đồng xét duyệt thông qua và được ban hành Quyết định bồi thường, hỗ trợ trùng lặp đối với 02 thửa đất trước đó đã được bồi thường và không đúng đối tượng với 07 thửa đất gây thiệt hại cho nhà nước tổng số tiền 769.277.417 đồng.

\* Hành vi của YQ Bkrông: Là cán bộ địa chính xã E là người có trách nhiệm phối hợp Trần Thanh D và Đỗ Văn S thực hiện việc kiểm kê hiện trạng đất. Có trách nhiệm xác nhận nguồn gốc đất, chủ sử dụng đất, loại đất, diện tích. Tuy nhiên, do có sự tác động của ông Lê Tuấn A là cán bộ Công an huyện L, và trong khi kiểm kê biết 09 hộ dân không sản xuất nông nghiệp tại khu vực hồ Bầu Xanh và ở khu vực hồ E, nhưng YQ Bkrông vẫn ký xác nhận là đất sử dụng ổn định, không tranh chấp dẫn đến gây thiệt hại cho nhà nước tổng số tiền 769.277.417 đồng.

\* Hành vi của Đỗ Văn S: Là nhân viên của Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện L, là đơn vị chủ trì công tác kiểm kê hiện trạng, ghi nhận thực tế để lập phương án. Đỗ Văn S được giao nhiệm vụ phối hợp với Trần Thanh D, YQ Bkrông thực hiện kiểm kê hiện trạng đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ. Tuy nhiên khi kiểm kê thực tế biết đất có tranh chấp giữa Bùi Văn H1 với bà Nguyễn Thị M chưa được giải quyết nhưng vẫn ký biên bản tách thửa và lập biên bản cho 04 hộ; không kiểm tra thực tế hiện trạng lập 05 hộ dân theo yêu cầu thay đổi của Trần Thanh D dẫn đến bồi thường, hỗ trợ trùng lặp đối với 02 thửa đất trước đó đã được bồi thường và không đúng đối tượng với 07 thửa đất gây thiệt hại cho nhà nước tổng số tiền 769.277.417 đồng.

[3.2] Trong quá trình điều tra: Trần Thanh D, Đỗ Văn S, Nguyễn Tuấn V, Bùi Viết U khai nhận:

- Khoảng một tuần sau ngày chi trả tiền (12/02/2015) ông Đặng Văn N gọi điện thoại nói ông D lên nhà ông N và đưa cho D 01 phong bì và nói trong có 30.000.000 đồng, là tiền gia đình bác H gửi cho anh em tiền nước. D nhận và sau đó đưa cho ông Nguyễn Xuân T (cán bộ Ban 5) 9.000.000 đồng, còn lại giữ tiêu xài.

Sau khi Công an huyện L mời làm việc thì D đã mang số tiền 30.000.000 đồng đến nhà đưa lại cho vợ ông N.

- Ngày 14/02/2015, Nguyễn Tuấn V chuyển qua tài khoản số 5211205021621- Ngân hàng NN&PTNT huyện L số tiền 10.000.000 đồng cho Đỗ Văn S và nói cho để xài Tết vì người dân dứt túi cho được 30.000.000 đồng. Sau khi Công an huyện L làm việc Đỗ Văn S đã mang số tiền 10.000.000 đồng này giao nộp cho Công an huyện L. Số tiền 20.000.000 đồng còn lại V đã sử dụng tiêu xài cho cá nhân.

- Khoảng ngày 27 âm lịch Tết Nguyên đán 2014, ông Đặng Văn N cùng ông Lê Tuấn A đến nhà ông Bùi Viết U đưa cho 01 phong bì có 10.000.000 đồng và nói gia đình ông H cảm ơn, gửi anh xài Tết. Sau khi được Công an huyện L mời làm việc thì ông U mang số tiền 10.000.000 đồng nộp cho Công an huyện L để xử lý.

Với những hành vi nêu trên, Bản án sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Trần Thanh D, YQ Bkrông, Đỗ Văn S về tội “ Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ” là có căn cứ đúng pháp luật, do vậy đơn kháng cáo của bị cáo YQuyen Bkrông, đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đơn kháng cáo của Đỗ Văn S, Trần Thanh D cho rằng hành vi của bị cáo có dấu hiệu của tội “ Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là không có căn cứ được chấp nhận.

[4] Xét đơn kháng cáo của bị cáo Y D Trei, Hội đồng xét xử xét thấy:

Với vai trò là Chủ tịch UBND xã E có nhiệm vụ xác nhận nguồn gốc sử dụng đất, loại đất, chủ sử dụng để phục vụ công tác bồi thường hỗ trợ. Tuy nhiên, Y D Trei đã thiếu kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các công việc của cán bộ địa chính thuộc quyền là YQ Bkrông và đã ký xác nhận vào các Bản tự kê khai; các biên bản kiểm kê hiện trạng đất không đúng đối tượng, ký xác nhận vào các giấy ủy quyền của 09 bộ hồ sơ đứng tên Bùi Văn H1, H Văn T, Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn V, Bùi Thị H, Nguyễn Văn H, Trần Thị H, Trần Thị L và Y M Kman không đúng thực tế để cho Bùi Văn H1, H Văn T nhận được tiền bồi thường gây thiệt hại cho Nhà nước số tiền 769.277.417 đồng. Với hành vi trên bị tòa án cấp sơ thẩm xử phạt về tội “ Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” là có căn cứ đúng pháp luật, vì vậy đơn kháng cáo của bị cáo đề nghị cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm là không có căn cứ được chấp nhận.

Án phí: Đơn kháng cáo của các bị cáo không có căn cứ được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm:

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Bùi Văn H, Bùi Văn H1, Trần Thanh D, Đỗ Văn S, YQ Bkrông, Y D Trei . Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số:28/202/HS - ST ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

[1]. Tuyên bố:

Bị cáo Bùi Văn H, Bùi Văn H1 phạm tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

Các bị cáo Trần Thanh D, Đỗ Văn S, YQ Bkrông phạm tội: *“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”*.

Bị cáo Y D Trei phạm tội: *“Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”*.

[2]. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

[2.1]. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H: 13 (Mười ba) năm tù về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

Áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015: Tổng hợp hình phạt đối với Bản án số 104/HSPT ngày 28/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên phạt bị cáo Bùi Văn H 08 năm tù về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai Bản án là 21(Hai mươi một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 25/01/2016.

[2.2]. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm q, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H1: 07 (Bảy) năm tù về tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2.3]. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Thanh D: 05 (Năm) năm tù về tội *“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2017 đến ngày 09/01/2018.

[2.4]. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo YQ Bkrông 04 (Bốn) năm tù về tội *“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”*. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2017 đến ngày 09/01/2018.

[2.5]. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 356; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn S: 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[2.6]. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 360; điểm s, v khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Y D Trei: 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

### [3] Về án phí:

Các bị cáo Bùi Văn H, Bùi Văn H1 Trần Thanh D, Đỗ Văn S, YQ Bkrông và bị cáo Y D Trei mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2021/HS-ST ngày 14/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Mai Xuân Thành**